TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **258**/2022/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 08 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Mai Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc Sơn;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa.

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 141/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/4/2022.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, Sinh năm: 1997

HKTT: Tổ dân phố P, phường T, quận N, TP H.

Chỗ ở: Số 1, ngách 15/31, Tổ dân phố P, phường T, quận N, TP H.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu T, Sinh năm: 1996

HKTT: Tổ dân phố L, phường T, quận N, TP H.

Chỗ ở: Số 42, hẻm 193/17/25/1, Tổ dân phố L, phường T, quận N, TP H.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 17/3/2020. Giao cháu Nguyễn Bảo Hân cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Về *vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai số AA/2020/0034271 ngày 18/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Hương

Nơi nhận:
- VKSND quận Nam Từ Liêm.
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND TP. Hà Nội;
- THA quận Nam Từ Liêm
- UBND phường Tây Mỗ, q. Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội;
- Đương sự;
- Lưu HS.

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo Hân, sinh ngày 17/3/2020. Giao cháu Nguyễn Bảo Hân cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về T sản chung: Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T không có T sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Về *vay nợ chung:* Chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Hữu T không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết**.**

Án phí: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai số AA/2020/0034271 ngày 18/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**